

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên

Ngày 12/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị S**, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.**

*** Bị đơn:** Anh **Thân Văn H**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị S trình bày:**

+ Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Thân Văn H lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/11/2007. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi kết hôn vợ chồng ở tại gia đình nhà chồng ở thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến việc thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh chị cũng đã cố gắng hòa giải nhiều lần,

gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi được tình hình của vợ chồng chị. Từ tháng 2/2020 đến nay, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để giải phóng cho cả hai bên.

+ Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là Thân Đức H, sinh ngày 30/11/2008 và Thân Ngọc K, sinh ngày 21/9/2011. Hiện nay cháu K đang ở với chị còn cháu H ở với anh H. Khi vợ chồng ly hôn, chị và anh H thống nhất để chị nuôi dưỡng cháu K còn anh H nuôi dưỡng cháu H. Nhưng các cháu có nguyện vọng ở với ai chị đều tôn trọng ý kiến của các cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 08/5/2020 bị đơn là anh Thân Văn H trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/11/2007, anh và chị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Anh chị lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu và được hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi kết hôn vợ chồng anh ở tại gia đình anh ở thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến việc thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh chị cũng đã cố gắng hòa giải nhiều lần, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi được tình hình của vợ chồng anh. Từ tháng 2/2020 đến nay chị S đã mang con nhỏ của anh chị là cháu K bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị cũng ly thân từ đó đến nay. Nhưng nay anh xác định anh vẫn muốn níu kéo tình cảm vợ chồng để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái cho con cái đỡ khổ, nên anh muốn Tòa án cho anh thêm thời gian khoảng 10 ngày để anh thuyết phục vợ anh, nếu vợ anh vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị S để giải phóng cho chị S.

+ Về con chung: Anh và chị S có hai con chung là Thân Đức H, sinh ngày 30/11/2008 và Thân Ngọc K, sinh ngày 21/9/2011. Hiện nay cháu K đang ở với chị S còn cháu H ở với anh. Khi vợ chồng ly hôn, anh và chị S thống nhất để anh nuôi dưỡng cháu H còn chị S nuôi dưỡng cháu K. Nhưng các cháu có nguyện vọng ở với ai anh đều tôn trọng ý kiến của các cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020, cháu Thân Ngọc K là con chung của chị S và anh H trình bày: Hiện cháu đang học lớp 2D, trường Tiểu học S, thành phố B. Hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu bố mẹ không ở cùng nhau nữa thì cháu thích ở với mẹ hơn. Lý do cháu thích ở với mẹ hơn cháu không biết mà cháu chỉ biết cháu thích ở với mẹ. Không có ai xui, dọa cháu về việc cháu thích ở với bố, hay thích ở với mẹ hơn, cũng không ai xui, dọa cháu là phải về ở với mẹ. Mẹ luôn chăm sóc và dạy bảo cháu, cháu cũng thương bố nhưng bố cháu thường xuyên đi làm xa không có nhà nên cháu vẫn muốn ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020, cháu Thân Đức H là con chung của chị S và anh H trình bày: Hiện cháu đang học lớp 6, trường THCS S, thành phố B. Hiện cháu đang ở với bố. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu thích ở với bố hơn. Lý do cháu thích ở với bố vì cháu là con trai lớn ở với bố sẽ tiện hơn cho việc sinh hoạt và học tập của cháu hơn. Cháu cũng rất thương mẹ nhưng nếu lựa chọn thì cháu lựa chọn ở với bố. Hiện tại cháu vẫn đang ở với bố, cuộc sống của bố con cháu rất tốt. Không có ai xui, dọa cháu về việc cháu thích ở với bố, hay thích ở với mẹ hơn, cũng không ai xui, dọa cháu là phải về ở với bố, tất cả là do cháu tự nguyện lựa chọn.

Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2020, ông Đỗ Văn T là trưởng thôn P, xã S cung cấp: Chị S, anh H kết hôn với nhau năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống ngay với nhau tại địa phương. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Chị S, anh H không ở cùng với bố mẹ chồng. Nhà ông ở gần nhà chị S, anh H nên ông được biết từ đầu năm 2020, chị S, anh H xảy ra mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi cọ về vấn đề kinh tế, sinh hoạt trong gia đình. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ tháng 02/2020, chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống và không sống cùng anh H nữa. Vợ chồng đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Anh H và chị S có 02 con chung là Thân Đức H, sinh năm 2008 và Thân Ngọc K, sinh năm 2011, hiện nay các cháu vẫn đang ở cùng bố mẹ. Chị S thì làm công nhân may, anh H làm nghề tự do nhưng ông không nắm được thu nhập cụ thể của chị S, anh H là bao nhiêu.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 08/5/2020 nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án. Tại phiên hòa giải anh H đề nghị Tòa án cho anh thêm 10 ngày để anh khuyên giải vợ anh quay về đoàn tụ. Tòa án chấp nhận đề nghị của anh H và có thông báo phiên hòa giải lần thứ hai vào ngày 18/5/2020 nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Chị S có đơn xin vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nữa. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 05/6/2020, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Chị S có đơn xin xét xử mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị S và xử cho chị S được ly hôn anh Thân Văn H. Về con chung: Giao cháu Thân Đức H, sinh ngày 30/11/2008 cho anh Thân Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Thân Ngọc K, sinh ngày 21/9/2011 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Thân Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị S và anh Thân Văn H kết hôn ngày 20/11/2007 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị S và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xích mích, cạ vãi với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2020 đến nay. Chị S yêu cầu ly hôn, anh H dù muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng nếu chị S vẫn kiên quyết ly hôn thì anh H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị S và anh H có hai con chung là cháu Thân Đức H, sinh ngày 30/11/2008 và Thân Ngọc K, sinh ngày 21/9/2011. Hiện nay cháu K đang ở với chị S còn cháu H ở với anh H. Khi vợ chồng ly hôn, chị S và anh H thống nhất để chị S nuôi dưỡng cháu K còn anh H nuôi dưỡng cháu H. Các cháu

cũng đồng ý như vậy. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu K cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh H và chị S đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S và anh H không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị S được ly hôn anh Thân Văn H.

2.2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung là cháu Thân Ngọc K, sinh ngày 21/9/2011 cho chị Bùi Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị S không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

- Giao con chung là cháu Thân Đức H, sinh ngày 30/11/2008 cho anh Thân Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H không yêu cầu. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000989 ngày 11/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã S, thành phố B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng